

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 80

LUẬN VỀ THẬP MÔN (Phần 10)

Bốn Tĩnh lự, đó là Tĩnh lự thứ nhất, Tĩnh lự thứ hai, Tĩnh lự thứ ba, Tĩnh lự thứ tư.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định, đó là trong luận Phẩm Loại Túc nói: “Thế nào là Tĩnh lự thứ nhất? Đó là Tĩnh lự thứ nhất thâm nhiếp năm Uẩn thiện. Cho đến thế nào là Tĩnh lự thứ tư? Đó là Tĩnh lự thứ tư thâm nhiếp năm Uẩn thiện”. Luận ấy chỉ nói Tĩnh lự thiện, hoặc có người nảy sinh nghi ngờ: trước chỉ là thiện xứ không phải là nhiễm, cũng không phải là vô phú vô ký chẳng? Vì quyết định mỗi nghi ấy để hiển bày bốn Tĩnh lự, gồm cả thiện và nhiễm-vô phú vô ký, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Tự tánh của bốn Tĩnh lự này thế nào?

Đáp: đều lấy năm Uẩn của địa mình để làm tự tánh, đó gọi là tự tánh của Tĩnh lự, tự Thể của ngã-vật, bốn tánh của tướng phần.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là Tĩnh lự, vì có thể đoạn trừ kiết cho nên gọi là Tĩnh lự, hay là vì có thể chánh quán cho nên gọi là Tĩnh lự? Nếu có thể đoạn trừ kiết cho nên gọi là Tĩnh lự, thì vô Sắc Định cũng có thể đoạn trừ kiết, phải gọi là Tĩnh lự? Nếu có thể chánh quán cho nên gọi là Tĩnh lự, thì Tam-ma-địa của cõi Dục cũng có thể chánh quán, phải gọi là Tĩnh lự?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Vì có thể đoạn trừ kiết cho nên gọi là Tĩnh lự.

Hỏi: Các Vô Sắc Định cũng có thể đoạn trừ kiết, phải gọi là Tĩnh lự chẳng?

Đáp: Nếu Định có thể đoạn trừ hai loại kiết bất thiện-vô ký thì gọi

là Tĩnh lự, các Vô Sắc Định chỉ đoạn trừ vô ký chứ không phải là bất thiện, cho nên không gọi là Tĩnh lự.

Hỏi: Nếu đưa ra cách nói này thì chỉ riêng Vị chí Định có thể gọi là Tĩnh lự, vì địa trên không đoạn trừ kiết bất thiện?

Đáp: Địa trên tuy không có đối trị đoạn trừ kiết bất thiện, mà có đối trị chán ngán hủy hoại bất thiện, bởi vì có thể chán ngán hủy hoại cho nên cũng gọi là có thể đoạn trừ.

Hỏi: Nếu đưa ra cách nói này thì phẩm Pháp trí thuộc Diệt-Đạo của địa trên, và tất cả phẩm Loại trí ấy sẽ không phải là Tĩnh lự, bởi vì đều không phải là đoạn trừ của cõi Dục và chán ngán hủy hoại thuộc hai pháp đối trị?

Đáp: Kiết ấy đối với cõi Dục tuy là không có đối trị toàn cõi-toàn địa, mà cõi ấy-địa ấy có thể có đối trị chán ngán hủy hoại bất thiện, do thế lực này mà ở nơi khác cũng có được tên gọi. Lại nữa, trong bốn Tĩnh lự có kiết bất thiện có thể đối trị, vô Sắc hoàn toàn không có, cho nên tên gọi Tĩnh lự không bao gồm Vô Sắc.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Sáu địa thuộc cõi sắc đối với Kiết của cõi Dục đều có đối trị đoạn trừ và đối trị chán ngán hủy hoại, nhưng Vị chí Định đã đoạn kiết ấy, đối trị của địa khác không có kiết ấy để có thể đoạn, tuy không có kiết ấy để có thể đoạn mà có tác dụng của đối trị. Như ban ngày có ba phần đều có năng lực phá tan bóng tối, phần thứ nhất đã phá hết thì những phần khác không có gì đáng để phá trừ. Lại như sáu người cùng chung một kẻ thù, một người đã giết rồi thì những người còn lại không có gì đáng để giết. Lại như sáu ngọn đèn đều có năng lực xua tan bóng tối, cầm một ngọn đèn đi vào ngôi nhà thì bóng tối ấy đã loại trừ, năm ngọn đèn còn lại mang vào nhà thì không có bóng tối đáng để xua tan. Như vậy sáu địa đối với kiết của cõi Dục, đều có năng lực đoạn trừ chứ không phải là riêng Vị chí Định. Nếu không như vậy thì lúc dựa vào năm địa trên tiến vào Kiến đạo, sẽ không chứng được lìa ràng buộc của các kiết do kiến mà đoạn thuộc cõi Dục. Đã có thể chứng được, cho nên biết sáu địa có đối trị đoạn trừ đối với kiết của cõi Dục”.

Lại nữa, nếu Định có năng lực đoạn hai kiết do kiến-tu mà đoạn thì gọi là Tĩnh lự, các Định vô Sắc chỉ có năng lực đoạn hết kiết do tu mà đoạn, cho nên không phải là Tĩnh lự.

Lại nữa, nếu có năng lực đoạn kiết-năm Uẩn cùng sinh khởi có thể làm sở y phát khởi nhiều công đức, có thể thâm nhiếp tiếp nhận đầy đủ bốn chi-năm chi, có thể phát khởi sáu thần thông-thực hành đầy đủ

bốn thông, ba loại biến hiện-ba minh-ba căn-ba đạo-ba địa-bốn quả Sa-môn-chín đạo biến tri, hai đạo kiến-tu, hai trí Pháp-Loại, và Nhẫn trung hữu thì gọi là Tĩnh lực; các Định vô Sắc tuy có năng lực đoạn kiết, mà không có đầy công đức đã nói ở trên, cho nên không phải là Tĩnh lực.

Lại có người nói: Bởi vì có năng lực chánh quán cho nên gọi là Tĩnh lực.

Hỏi: Nếu như vậy thì cõi Dục có Tam-ma-địa, cũng có năng lực chánh quán nên gọi là Tĩnh lực?

Đáp: Nếu có năng lực chánh quán cũng có năng lực đoạn kiết thì gọi là Tĩnh lực, tam-ma-địa của cõi Dục tuy có năng lực chánh quán, mà không có năng lực đoạn kiết, cho nên không gọi là Tĩnh lực.

Lại nữa, nếu có năng lực chánh quán kiên cố khó hủy hoại-nối tiếp nhau tằm tại lâu dài, đối với cảnh sở duyên chú ý trải qua thời gian dài mà không rời bỏ, thì gọi là Tĩnh lực. Lại nữa, nếu Tam-ma-địa có đủ tên gọi của Định-tác dụng của Định, có năng lực chánh quán thì gọi là Tĩnh lực; Tam-ma-địa của cõi Dục tuy có tên gọi của Định mà không có tác dụng của Định, như bùn đất-rui nhà-xà nhà có tên gọi mà không có tác dụng, cho nên không phải là Tĩnh lực.

Lại nữa, nếu Tam-ma-địa không phải là tán loạn vì gió làm cho lay động, như ngọn đèn trong nhà kín, có năng lực chánh quán thì gọi là Tĩnh lực; Tam-ma-địa của cõi Dục nhiều tán loạn vì gió làm cho lay động, như ngọn đèn giữa ngã tư con đường, cho nên không phải là trường lão. Nói như vậy thì cần phải có đủ hai nghĩa mới gọi là Tĩnh lực, đó là có năng lực đoạn kiết và có năng lực chánh quán; Tam-ma-địa của cõi Dục tuy có năng lực đoạn kiết và có năng lực chánh quán mà không có năng lực đoạn kiết, các Định vô Sắc tuy có năng lực đoạn kiết mà không có năng lực chánh quán, cho nên không phải là Tĩnh lực.

Lại nữa, nếu có năng lực quán sát khắp nơi-đoạn kiết khắp nơi thì gọi là Tĩnh lực, Tam-ma-địa của cõi Dục tuy có năng lực quán sát khắp nơi mà không có năng lực đoạn kiết khắp nơi, các Định vô Sắc thì cả hai nghĩa đều không có, cho nên không phải là Tĩnh lực. Lại nữa, nếu có năng lực ngừng hẳn tất cả phiền não, và có năng lực suy nghĩ về tất cả sở duyên thì gọi là Tĩnh lực; Tam-ma-địa của cõi Dục tuy có năng lực suy nghĩ về tất cả sở duyên mà không có năng lực ngừng hẳn tất cả phiền não, các Định vô Sắc thì hai nghĩa đều không có, cho nên không phải là Tĩnh lực. Lại nữa, các Định vô Sắc thì có Tĩnh mà không có Lực, Tam-ma-địa của cõi Dục có Lực mà không có Tĩnh, Sắc Định có cả hai cho nên gọi là Tĩnh lực. Tĩnh nghĩa là Đẳng dẫn, Lực nghĩa là Biến quán,

cho nên gọi là Tĩnh lực.

Bốn Tĩnh lực tổng quát có mười tám Giới, đó là Tĩnh lực thứ nhất có năm Chi:

1. Tâm.
2. Tứ.
3. Hỷ.
4. Lạc.
5. Tâm và tánh cùng một cảnh.

Tĩnh lực thứ hai có bốn chi:

1. Nội đẳng tịnh.
2. Hỷ.
3. Lạc.
4. Tâm và tánh cùng một cảnh.

Tĩnh lực thứ ba có năm chi:

1. Hành xả.
2. Chánh niệm.
3. Chánh tuệ.
4. Thọ lạc.
5. Tâm và tánh cùng một cảnh.

Tĩnh lực thứ tư có bốn Chi:

1. Bất khổ bất lạc thọ.
2. Hành xả thanh tịnh.
3. Niệm thanh tịnh.
4. Tâm và tánh cùng một cảnh.

Hỏi: Bốn Tĩnh lực thì tên gọi của Chi có mười tám loại, thật Thế có mấy loại?

Đáp: Chỉ có mười một loại, đó là Tĩnh lực thứ nhất thì tên gọi của Chi và thật Thế đều có năm loại, Tĩnh lực thứ hai thì Chi tuy có bốn mà ba loại như trước thêm vào Nội đẳng tịnh, Tĩnh lực thứ ba thì Chi tuy có năm mà loại thứ năm như trước chỉ thêm vào bốn loại trước, Tĩnh lực thứ tư thì Chi tuy có bốn mà ba loại sau như trước chỉ thêm vào loại thứ nhất, cho nên Chi của Tĩnh lực thì tên gọi có mười tám loại mà thật Thế có mười một loại.

Lại có người nói: Thật thế chỉ có mười, đó là Lạc của ba Tĩnh lực hợp lại làm một.

Lời bình: Người ấy không nên đưa ra cách nói này, bởi vì hai Tĩnh lực đầu là Lạc của Khinh an, Tĩnh lực thứ ba phân biệt Thọ lạc; Lạc của hai Tĩnh lực đầu là Hành uẩn thâm nhiếp, Lạc của Tĩnh lực thứ ba là Thọ

uẩn thâm nhiếp. Vì vậy cách nói trước đối với lý là thích hợp.

Như tên gọi và thật Thể, tên gọi thi thiết-Thể thi thiết tên gọi khác tướng-Thể khác tướng, tên gọi khác tánh-Thể khác tánh, tên gọi sai biệt-Thể sai biệt, tên gọi kiến lập-Thể kiến lập, tên gọi là giác-Thể là giác, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Trong này, thế nào là Tĩnh lực, thế nào là Chi của Tĩnh lực?

Đáp: Tâm và tánh cùng một cảnh là Tĩnh lực, bởi vì lấy Tam-ma-địa làm tự tánh; pháp này và những pháp khác là Chi của Tĩnh lực.

Hỏi: Nếu Tam-ma-địa là Tĩnh lực, thì Tĩnh lực thứ nhất-thứ ba lẽ ra đều chỉ có bốn Chi, Tĩnh lực thứ hai-thứ tư lẽ ra đều chỉ có ba Chi, thì Chi của Tĩnh lực đúng ra chỉ có mười bốn, tại sao lại nói là mười tám chi?

Đáp: Tam-ma-địa là Tĩnh lực-cũng là Chi của Tĩnh lực, còn lại là Chi của Tĩnh lực chứ không phải là Tĩnh lực, cho nên có mười tám. Như Trục pháp là Giác-cũng là Chi của Giác, còn lại là Chi của Giác chứ không phải là Giác; Chánh kiến là Đạo-cũng là Chi của Đạo, còn lại là Chi của Đạo chứ không phải là Đạo; liả bỏ căn phi thời là Trai-cũng là Chi của Trai, còn lại là Chi của Trai chứ không phải là Trai, Ở đây cũng như vậy. Như vậy gọi là tự tánh của Chi thuộc Tĩnh lực, tự Thể của ngã-vật, bốn tánh của tướng phần.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là Chi của Tĩnh lực, Chi của Tĩnh lực là nghĩa gì?

Đáp: Vắng lặng suy nghĩ cho nên gọi là Tĩnh lực, tùy thuận Tĩnh lực này cho nên gọi là Chi của Tĩnh lực; bởi vì nghĩa về tùy thuận, nghĩa về mang gánh nặng, nghĩa về thành tựu việc lớn, nghĩa về vững mạnh, nghĩa về phân biệt, là nghĩa của Chi.

Nghĩa về tùy thuận, nếu pháp tùy thuận Tĩnh lực của địa này, thì gọi là Chi thuộc Tĩnh lực của địa này. Nghĩa là mang gánh nặng, nếu pháp có năng lực dẫn dắt Tĩnh lực của địa này, thì gọi là Chi thuộc Tĩnh lực của địa này. Nghĩa về thành tựu việc lớn, nếu pháp có năng lực hoàn toàn thành Tĩnh lực của địa này, thì gọi là Chi thuộc Tĩnh lực của địa này. Nghĩa về vững mạnh, nếu pháp giúp đỡ thành tựu Tĩnh lực của địa này, khiến cho nó vững mạnh thì gọi là Chi thuộc Tĩnh lực của địa này. Nghĩa về phân biệt, như quân đội-xe cộ.. là những sự phân biệt khác nhau, cho nên gọi là Chi thuộc quân đội-xe cộ..., như vậy những sự phân biệt khác nhau của Tĩnh lực gọi là Chi thuộc Tĩnh lực.

Như vậy đã giải thích tên gọi về Chi của Tĩnh lực, tiếp theo cần phải phân biệt về tướng xen tạp và tướng không có xen tạp.

Hỏi: Nếu là Chi của Tĩnh lực thứ nhất, thì cũng là Chi của Tĩnh lực

thứ hai chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là Chi thứ nhất chứ không phải là Chi thứ hai, đó là Tâm-Tứ.

2. Có lúc là Chi thứ hai chứ không phải là Chi thứ nhất, đó là Nội đẳng tịnh.

3. Có lúc là Chi thứ nhất mà cũng là chi thứ hai, đó là Hỷ-lạc-tâm và tánh cùng một cảnh.

4. Có lúc không phải là Chi thứ nhất mà cũng không phải là Chi thứ hai, đó là trừ ra tướng trước.

Hỏi: Nếu là Chi của Tĩnh lự thứ nhất, thì cũng là Chi của Tĩnh lự thứ ba chẳng?

Đáp: nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là Chi thứ nhất chứ không phải là Chi thứ ba, đó là Tâm-Từ-Hỷ-Lạc.

2. Có lúc là Chi thứ ba chứ không phải là Chi thứ nhất, đó là Xả-Niệm-Tuệ-Lạc.

3. Có lúc là Chi thứ nhất mà cũng là Chi thứ ba, đó là tâm và tánh cùng một cảnh.

4. Có lúc không phải là Chi thứ nhất mà cũng không phải là Chi thứ ba, đó là trừ ra tướng trước.

Hỏi: Nếu là Chi của Tĩnh lự thứ nhất, thì cũng là Chi của Tĩnh lự thứ tư chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là chi thứ nhất chứ không phải là chi thứ tư, đó là Tâm-Tứ-Hỷ-Lạc.

2. Có lúc là Chi thứ tư chứ không phải là Chi thứ nhất, đó là Bất khổ bất lạc-xả-niệm.

3. Có lúc là Chi thứ nhất mà cũng là Chi thứ tư, đó là tâm và tánh cùng một cảnh.

4. Có lúc không phải là Chi thứ nhất mà cũng không phải là Chi thứ tư, đó là trừ ra tướng trước.

Hỏi: Nếu là Chi của Tĩnh lự thứ hai, thì cũng là Chi của Tĩnh lự thứ ba chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là Chi thứ hai chứ không phải là Chi thứ ba, đó là Nội đẳng định-hỷ-lạc.

2. Có lúc là Chi thứ ba chứ không phải là Chi thứ hai, đó là Xả-

Niệm-Tuệ-lạc.

3. Có lúc là Chi thứ hai mà cũng là Chi thứ ba, đó là tâm và tánh cùng một cảnh.

4. Có lúc không phải là Chi thứ hai mà cũng không phải là Chi thứ ba, đó là trừ ra tướng trước.

Hỏi: Nếu là Chi của Tĩnh lự thứ hai, thì cũng là Chi của Tĩnh lự thứ tư chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là Chi thứ hai chứ không phải là Chi thứ tư, đó là Nội đẳng tịnh-hỷ-lạc.

2. Có lúc là Chi thứ tư chứ không phải là Chi thứ hai, đó là Bất khổ bất lạc-xả-niệm.

3. Có lúc là Chi thứ hai mà cũng là chi thứ tư, đó là tâm và tánh cùng một cảnh.

4. Có lúc không phải là Chi thứ hai mà cũng không phải là Chi thứ tư, đó là trừ ra tướng trước.

Hỏi: Nếu là Chi của Tĩnh lự thứ ba, thì cũng là Chi của Tĩnh lự thứ tư chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là chi thứ ba chứ không phải là Chi thứ tư, đó là Tuệ-lạc.

2. Có lúc là Chi thứ tư chứ không phải là Chi thứ ba, đó là Bất khổ bất lạc.

3. Có lúc là Chi thứ ba mà cũng là Chi thứ tư, đó là Xả-Niệm-Tâm và tánh cùng một cảnh.

4. Có lúc không phải là Chi thứ ba mà cũng không phải là Chi thứ tư, đó là trừ ra tướng trước.

Hỏi: Khinh an-hành xả thì tất cả các địa đều có, tại sao hai Tĩnh lự đầu lại thiết lập Khinh an làm Chi mà không phải là Hành xả, Tĩnh lự thứ ba-thứ tư thiết lập Hành xả làm Chi mà không phải là Khinh an?

Đáp: Bởi vì trước đây nói tùy thuận là nghĩa của Chi, nghĩa là

Khinh an chỉ tùy thuận Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai cho nên thiết lập làm Chi, Hành xả chỉ tùy thuận Tĩnh lự thứ ba-thứ tư cho nên thiết lập làm Chi. Lại nữa, bởi vì che phủ lẫn nhau, nghĩa là Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai thì Khinh an có tác dụng hơn hẳn, có năng lực che phủ Hành xả cho nên thiết lập làm Chi; Tĩnh lự thứ ba-thứ tư thì Hành xả có tác dụng hơn hẳn, có năng lực phủ Khinh an cho nên thiết lập làm Chi.

Hỏi: Tại sao hai pháp này có năng lực che phủ lẫn nhau?

Đáp: Bởi vì hai hành tướng này lại trái ngược nhau, nghĩa là tướng Khinh an dấy khởi nhẹ nhàng, tướng Hành xả chìm sâu vắng lặng, cùng lúc mà có lại trái ngược lẫn nhau, như người trong một lúc vừa đi vừa đứng, vừa ngủ vừa thức luôn luôn trái ngược nhau; nhưng mà đối trị trong tâm thiện đều khác cho nên có thể cùng dấy khởi, nghĩa là Khinh an có năng lực đối trị Hôn trầm, Hành xả có năng lực đối trị Trạo cử.

Lại nữa, bởi vì đối trị năm Thức thân của cõi Dục, và thân đã dẫn đến thô nặng cho nên Tĩnh lực thứ nhất thiết lập Khinh an làm Chi; bởi vì đối trị ba Thức thân của Tĩnh lực thứ nhất, và thân đã đến thô nặng, cho nên Tĩnh lực thứ hai thiết lập Khinh an làm Chi. Tĩnh lực thứ ba-thứ tư không có Thức thân thô thiển, và thân đã dẫn đến thô nặng đáng để đối trị, cho nên Tĩnh lực thứ ba-thứ tư không thiết lập Khinh an làm Chi; hai Tĩnh lực ấy đã không thiết lập Khinh an làm Chi, cho nên thiết lập Hành xả làm Chi.

Lại nữa, Tĩnh lực thứ nhất-thứ hai có Hỷ nhiễm ô làm rối loạn thân tâm, cho nên Đức Thế Tôn nói cần phải luyện tập Khinh an chứ không nên trú vào Xả, vì vậy Tĩnh lực thứ nhất-thứ hai chỉ thiết lập Khinh an làm Chi. Tĩnh lực thứ ba-thứ tư không có Hỷ nhiễm ô làm rối loạn thân tâm cho nên Đức Thế Tôn nói chỉ cần trú vào Xả đừng luyện tập Khinh an, vì vậy Tĩnh lực thứ ba-thứ tư chỉ thiết lập Hành xả làm Chi.

Lại nữa, Tĩnh lực thứ nhất-thứ hai thì Khinh an có nhân, đó là Hỷ các pháp thiện như trong Kinh nói: “Tâm có Hỷ cho nên thân sẽ Khinh an”. Vì vậy Tĩnh lực thứ nhất-thứ hai chỉ thiết lập Khinh an làm Chi. Tĩnh lực thứ ba-thứ tư thì Khinh an không có nhân nghĩa là không có Hỷ pháp thiện mà chỉ cần trú vào Xả, cho nên hai Tĩnh lực ấy chỉ thiết lập Hành xả làm Chi.

Lại nữa, Tĩnh lực thứ ba rời bỏ Hỷ cao nhất, Tĩnh lực thứ tư rời bỏ Lạc cao nhất, cho nên hai Tĩnh lực này chỉ thiết lập Hành xả làm Chi; Tĩnh lực thứ nhất-thứ hai đã không thiết lập Hành xả làm Chi, cho nên thiết lập Khinh an làm Chi, không có gì trái ngược nhau.

Hỏi: Nội đẳng tịnh tức là Tín, ở các địa đều có, tại sao chỉ thiết lập làm Chi ở Tĩnh lực thứ hai?

Đáp: Bởi vì trước đây nói tùy thuận là nghĩa của Chi, nghĩa là Tín chỉ thuận với Tĩnh lực thứ hai, vì vậy chỉ có Tĩnh lực này thiết lập Tín làm Chi.

Lại nữa, trong Tĩnh lực thứ nhất thì Tầm-Tứ như ngọn lửa, thân thức như bùn đất, khiến cho tâm nối tiếp nhau, nóng bức hỗn loạn làm cho Tín không sáng tỏ sạch sẽ, như diện mạo hình bóng không hiện rõ

ra trong bồn nóng. Tĩnh lực thứ hai không có ngọn lửa của Tâm-Tứ và bùn đất của Thức thân, tướng của Tín sáng tỏ sạch sẽ trong tâm nối tiếp nhau, như nước trong veo lặng ngắt thì diện mạo hình bóng được hiện bày rõ ràng, cho nên ở Tĩnh lực này thiết lập Nội đẳng tịnh làm Chi. Tĩnh lực thứ ba có cảm thọ vui thích cao nhất, Tĩnh lực thứ tư có cảm thọ buồn xả hơn hẳn, che phủ tâm nối tiếp nhau làm cho tướng của Tín không hiện bày, cho nên Tĩnh lực thứ ba-thứ tư và thứ nhất đều không thiết lập Nội đẳng tịnh làm Chi.

Lại nữa, Tĩnh lực thứ hai thì các sư Du-già từ trong lìa nhiễm bắt đầu sinh ra Tín mạnh nhất, cho nên chỉ có Tĩnh lực này thiết lập Nội đẳng tịnh làm Chi. Nghĩa là lúc sư Du-già lìa nhiễm của cõi Dục dấy khởi Tĩnh lực thứ nhất hiện ở trước mắt, dấy lên tư duy như vậy: Mình tuy đã lìa nhiễm của cõi không Định, mà nhiễm của các địa Định là có thể lìa chăng? Sau đó lại lìa nhiễm của Tĩnh lực thứ nhất, lúc Tĩnh lực thứ hai hiện ở trước mắt, ở trong nhiễm của địa-cõi đều có thể lìa bỏ, bắt đầu phát sinh niềm tin chắc thật: Như nhiễm của cõi Dục mình đã có thể lìa bỏ, nhiễm của cõi sắc-vô Sắc cũng chắc chắn có thể lìa bỏ; như nhiễm của Tĩnh lực thứ nhất đã có thể lìa bỏ, cho đến nhiễm của Phi tướng phi tướng xứ nhất định có thể lìa bỏ. Vị ấy vào lúc Tĩnh lực thứ nhất hiện ở trước mắt, chưa phát sinh niềm tin chắc chắn; lúc hai Tĩnh lực sau hiện ở trước mắt, tuy có niềm tin chắc chắn mà không phải là ban đầu, cho nên tướng của Tín không hiển bày, vì vậy Tĩnh lực thứ ba-thứ tư và thứ nhất đều không thiết lập Nội đẳng tịnh làm Chi.

Lại nữa, dấy khởi Tín tăng thượng nhất định phải dựa vào nhân của Hỷ to lớn, vui mừng tin tưởng thì Tín nhất định phải kiên cố, Tĩnh lực thứ hai có Hỷ mạnh nhất cho nên chỉ riêng Tĩnh lực này thiết lập Nội đẳng tịnh làm Chi.

Hỏi: Tuệ bao trùm các địa, tại sao chỉ thiết lập làm Chi ở Tĩnh lực thứ ba?

Đáp: Trước đây nói tùy thuận là nghĩa của Chi, nghĩa là Tuệ chỉ thuận với trước thứ ba, cho nên chỉ thiết lập Chi thuộc Chánh tuệ đối với Tĩnh lực thứ ba.

Lại nữa, Tĩnh lực thứ ba có thọ vui thích dễ chịu, trong những sự vui thích dễ chịu thì cảm thọ vui thích dễ chịu này là hơn hẳn, đắm vào cảm thọ vui thích dễ chịu này cho nên các sư Du-già không cần phải mong cầu pháp thù thắng của địa trên. Cảm thọ này chính là trở ngại của địa mình, đối trị cảm thọ này cho nên thiết lập Chi thuộc Chánh tuệ. Vì vậy Đức Thế Tôn nói như vậy: Cần phải dùng Chánh tuệ hiểu biết

rõ ràng về niềm vui này, đừng cố tình tham đắm không cầu mong địa trên. Trong địa trên-địa dưới không có niềm vui cao nhất của địa mình gây trở ngại như địa này, cho nên các địa ấy không thiết lập Chánh tuệ làm Chi.

Lại nữa, trong Tĩnh lự thứ nhất có Tầm-Tứ thô thiển che phủ ngăn cách Chánh tuệ, Tĩnh lự thứ hai có vui thích cao nhất che phủ ngăn cách Chánh tuệ, Tĩnh lự thứ tư có cảm thọ buồn xả hơn hẳn che phủ ngăn cách Chánh tuệ, bởi vì cảm thọ buồn xả hơn hẳn là phần Vô minh, Chánh tuệ là Minh, phần Minh-Vô minh trái ngược làm hại lẫn nhau, cho nên đều không thiết lập Chánh tuệ làm Chi. Tĩnh lự thứ ba không có pháp nào che phủ Chánh tuệ như những Tĩnh lự ấy, cho nên thiết lập Chánh tuệ làm Chi.

Hỏi: Niệm bao trùm các địa, tại sao chỉ thiết lập niệm làm Chi ở hai Tĩnh lự sau?

Đáp: Trước đây nói tùy thuận là nghĩa của Chi, nghĩa là Niệm chỉ thuận với hai Tĩnh lự sau, cho nên chỉ thiết lập niệm làm Chi đối với hai Tĩnh lự ấy.

Lại nữa, hai Tĩnh lự sau đều có trở ngại tăng thượng của địa khác, đối trị trở ngại ấy cho nên thiết lập Niệm làm Chi, địa khác thì không như vậy. Nghĩa là Tĩnh lự thứ hai có Hỷ mạnh nhất, tùy tiện nóng vội trôi nổi chìm đắm như La-sát-tư, các Sư Du-già vì vậy mà sa sút không thể nào kiên cố lìa nhiễm của địa mình, vì đối trị pháp ấy cho nên Tĩnh lự thứ ba thiết lập Niệm làm Chi. Vì vậy Đức Thế Tôn nói như vậy: Cần phải trú vào chánh niệm, đừng vì pháp Hỷ của địa dưới mà trôi nổi chìm đắm lui sụt mất đi địa của mình. Tĩnh lự thứ ba có Lạc mạnh nhất, trong pháp Lạc của sinh tử thì pháp Lạc này là trở ngại cao nhất đối với hành giả, giống như thân-oán giả tạo, các sư Du-già vì vậy mà sa sút không thể nào kiên cố lìa nhiễm của địa mình, vì đối trị pháp ấy cho nên Tĩnh lự thứ tư thiết lập Niệm làm Chi. Vì vậy Đức Thế Tôn nói như vậy: Cần phải trú vào Chánh niệm, đừng vì pháp Lạc của địa dưới làm cho trở ngại lui sụt mất đi địa của mình.

Lại nữa, trong Tĩnh lự thứ nhất có Tầm-Tứ thô thiển, giống như đông tố che phủ ngăn cách Chánh niệm, Tĩnh lự thứ hai có vui thích cao nhất, như nước cuộn sáng trào che phủ ngăn cách Chánh niệm, cho nên đều không thiết lập chánh niệm làm Chi. Hai Tĩnh lự sau không có sai lầm này, vì vậy đều thiết lập Chánh niệm làm Chi.

Hỏi: Nếu là Chi của Tĩnh lự, thì cùng là Bồ-đề phần chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là Chi của Tĩnh lự mà không phải là Bồ-đề phần, đó là Tứ-Lạc thọ-Xả thọ.

2. Có lúc là Bồ-đề phần mà không phải là Chi của Tĩnh lự, đó là Tinh tiến, Chánh ngữ-Chánh nghiệp-Chánh mạng.

3. Có lúc là Chi của Tĩnh lự mà cũng là Bồ-đề phần, đó là Bồ-đề phần pháp khác.

4. Có lúc không phải là Chi của Tĩnh lự mà cũng không phải là Bồ-đề phần, đó là trừ ra tướng Tĩnh lự.

Hỏi: Tại sao Tứ-Lạc-Thọ-Xả thọ không thiết lập Bồ-đề phần?

Đáp: Bởi vì bị che phủ làm hại, nghĩa là Tứ bị Chánh tư duy làm che khuất có hại, Lạc thọ bị sự che phủ làm hại của Lạc thuộc Khinh an, Xả thọ bị sự che phủ làm hại của Hành xả, cho nên không thiết lập làm Bồ-đề phần pháp.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao thiết lập Chi của Tĩnh lự?

Đáp: Trong Bồ-đề phần vì thúc đẩy Chánh kiến, cho nên thiết lập Chánh tư duy làm Bồ-đề phần. Hành tướng của Tứ nhỏ bé thúc đẩy trong Chánh kiến bị Tầm che phủ làm hại, cho nên thiết lập làm Chi của Tĩnh lự, vì ngăn chặn pháp ác-bất thiện của địa dưới không che phủ làm hại nhau. Trong Bồ-đề phần thì Khinh an-Lạc thọ cùng chung một sát-na, có che phủ làm hại nhau; trong Chi của Tĩnh lự thì địa kiến lập sai khác chứ không có nghĩa che phủ làm hại. Trong Bồ-đề phần thì Hành xả-xả thọ cùng chung một sát-na, có che phủ làm hại nhau; trong Chi của Tĩnh lự đối trị lợi ích, tác dụng của Chi khác nhau, không che phủ làm hại nhau.

Hỏi: Tại sao tinh tiến không phải là Chi của Tĩnh lự?

Đáp: Các Chi của Tĩnh lự thuận với địa của mình là hơn hẳn, Tinh tiến thuận với địa khác là hơn hẳn. Nghĩa là Tinh tiến của Tĩnh lự thứ nhất thuận với Tĩnh lự thứ hai là hơn hẳn, cho đến Tinh tiến của vô số hữu xứ thuận với Phi tướng phi phi tướng xứ là hơn hẳn, cho nên pháp ấy không thiết lập làm Chi của Tĩnh lự.

Lại nữa, Tinh tiến làm tổn hại đến nhân của Tam-ma-địa, nhân của Tam-ma-địa tức là Lạc thù thắng. Như trong Kinh nói: “Bởi vì Lạc cho nên tâm Định, chịu khó tinh tiến thì thân tâm nhiều khổ sở, tu Tam-ma-địa thì thân tâm nhiều niềm vui”. Vì vậy Tinh tiến không phải là Chi của Tĩnh lự.

Hỏi: Tại sao Chánh ngữ, Chánh nghiệp-Chánh mạng không phải là Chi của Tĩnh lự?

Đáp: Chi của Tĩnh lự, nghĩa là trú vào cảnh tương ứng với Tĩnh

lự, chắc chắn có sở y-sở duyên và hành tướng, và có cảnh giác mới gọi là tương ứng; Chánh ngữ-Chánh nước-Chánh mạng không có nghĩa như vậy, cho nên không thiết lập làm Chi của Tĩnh lự. Do bốn tướng 1 này và các Đắc (một trong những pháp bất tương ứng)..., pháp bất tương ứng đều không nên thiết lập làm Chi của Tĩnh lự, bởi vì không phải là trú vào một cảnh để giúp đỡ Đẳng trì.

Hỏi: Tại sao Tàm-Quý-Vô tham-Vô sân, không phóng dật-không hại... không phải là Chi của Tĩnh lự?

Đáp: Bởi vì không phải là tùy thuận cao nhất với các Tĩnh lự, các pháp thiện này phần nhiều ở cõi Dục, là đối trị gần của pháp ác thuộc về địa phân tán, thế lực tăng mạnh không phải là ở địa ổn định, vì vậy không thiết lập làm Chi của Tĩnh lự.

Hỏi: Tâm-Tướng-Tư... tại sao không thiết lập làm Chi của Tĩnh lự?

Đáp: Bởi vì không phải là tùy thuận cao nhất với các Tĩnh lự, tâm thuận theo lưu chuyển. Định thuận theo hoàn diệt, cho nên tâm không thiết lập làm Chi của Tĩnh lự.

Lại nữa, tâm mạnh như vua, các tâm sở pháp đều như quan lại phụ tá; Định là tâm sở, cho nên tâm không thiết lập làm Chi của Tĩnh lự; như các Quốc Vương không hầu hạ quan lại phụ tá. Tướng-Tư-Xúc-Dục đều thuận theo lưu chuyển, tác dụng lại mạnh hơn; Định thuận theo hoàn diệt, cho nên những pháp ấy không thiết lập làm Chi của Tĩnh lự. Tác ý chỉ thuộc về địa phân tán của cõi Dục, đối cảnh có tác dụng mạnh hơn không phải là các địa ổn định, cho nên cũng không thiết lập làm Chi của Tĩnh lự. Thắng giải chỉ mạnh hơn đối với phần vị vô học, Tĩnh lự mạnh hơn ở khắp tất cả các phần vị, cho nên pháp ấy không thiết lập làm Chi của Tĩnh lự.

Lại nữa, trong này nên dùng các Chi của Tĩnh lự, đối với bốn Niệm trú-bốn Chánh đoạn-bốn Thần túc-năm Căn-năm Lực-bảy Đẳng giác chi-tám Thánh đạo chi lần lượt chuyển đổi thâm nhiếp nhau. Lại cần phải dùng Chi của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Chi của Tĩnh lự thứ tư, đối với Bồ-đề phần pháp lần lượt chuyển đổi thâm nhiếp nhau. Lại cần phải dùng Chi của trưởng lão thứ nhất cho đến Chi của trưởng lão thứ tư, đối với bốn Niệm trú cho đến tám Thánh đạo chi lần lượt chuyển đổi thâm nhiếp nhau. Cần phải tùy theo tướng ấy để nói rộng từng tướng một.

Hỏi: Cận phần Tĩnh lự và Định Vô Sắc có thiết lập làm Chi hay không? Nếu thiết lập làm Chi thì tại sao ở đây không nói? Nếu không

thiết lập thì luận Thi Thiết nói phải thông hiểu thế nào? Như nói: “Có thể có Định của không vô biên xứ, đối với căn hơn hẳn-Đạo hơn hẳn-Định hơn hẳn Định của không vô biên xứ mà lại là Chi... chăng? Trả lời: Có, đó là từ Định của Không vô biên xứ đẩy khởi không gián đoạn, lại tiến vào Định của không vô biên xứ”.

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Cận phần Tĩnh lự và Định vô Sắc cũng thiết lập về Chi.

Hỏi: Nếu như vậy thì dễ dàng thông hiểu cách nói trong luận Thi Thiết, nay ở trong này tại sao không nói?

Đáp: Lý ra cũng cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết trong này là cách nói khác, nghĩa là cận Tĩnh lự thứ nhất giống như căn bản cũng có năm Chi, nhưng trừ ra Hỷ thọ mà thêm vào Xả thọ; cận phần Tĩnh lự thứ hai giống như căn bản cũng có bốn Chi, cũng trừ ra Hỷ thọ mà thêm vào Xả thọ; cận phần Tĩnh lự thứ ba giống như căn bản cũng có năm Chi, nhưng trừ ra Lạc thọ mà thêm vào Xả thọ; cận phần Tĩnh lự thứ tư và Định vô Sắc, giống như căn bản Tĩnh lự thứ tư cũng đều có bốn Chi.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Cận phần Tĩnh lự và Định vô Sắc đều không thiết lập Chi, bởi vì công đức ít, bởi vì Khổ-Đạo thâm nhiếp.

Hỏi: Nếu như vậy thì dễ dàng thông suốt cách nói trong này đã nói, luận Thi Thiết nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Dựa vào nhân nuôi lớn cho nên nói là hơn hẳn, nói đến Chi..., thì đó là Giác chi-Đạo chi.

Hỏi: Tại sao Tĩnh lự thứ nhất và thứ ba đều thiết lập năm Chi; Tĩnh lự thứ hai-thứ tư đều thiết lập bốn Chi?

Đáp: Trước đây nói tùy thuận là nghĩa của Chi, nghĩa là bốn Tĩnh lự đều có pháp như vậy, có thể tùy thuận pháp không tăng-không giảm.

Lại nữa, các pháp ác của cõi Dục khó đoạn-khó phá-khó có thể vượt qua, cho nên Tĩnh lự thứ nhất kiến lập năm chi để đối trị vững chắc, Tĩnh lự thứ hai là Hỷ cao nhất chú trọng về địa, khó đoạn-khó phá-khó có thể vượt qua, Tĩnh lự thứ ba kiến lập năm Chi để đối trị vững chắc. Tĩnh lự thứ nhất và thứ ba đều không có pháp khó đoạn-khó phá-khó vượt qua như vậy, cho nên Tĩnh lự thứ hai-thứ tư chỉ thiết lập bốn Chi, bởi vì hai Tĩnh lự ấy đều không nhờ vào đối trị vững chắc.

Lại nữa, vì đối trị tham về cảnh năm dục tăng thượng của cõi Dục, cho nên Tĩnh lự thứ nhất thiết lập năm Chi, vì đối trị Hỷ-Ái chú trọng về

địa thuộc năm Bộ của Tĩnh lự thứ hai, cho nên Tĩnh lự thứ ba cũng thiết lập năm Chi. Tĩnh lự thứ nhất và thứ ba đều không có những đối trị như vậy, cho nên Tĩnh lự thứ hai-thứ tư đều chỉ thiết lập bốn Chi.

Lại nữa, bởi vì muốn tùy thuận pháp vượt qua Định, nghĩa là từ năm Chi của Định vượt qua mà tiến vào năm Chi của Định, lại từ bốn Chi của định vượt qua mà tiến vào bốn Chi của Định, bởi vì các Chi thì dễ dàng có thể vượt qua mà tiến vào.

Hỏi: Nếu từ Tĩnh lự thứ ba vượt qua mà tiến vào không vô biên xứ, lại từ Tĩnh lự thứ tư vượt qua mà tiến vào Thức vô biên xứ, lúc ấy đều không có Chi thì tùy thuận thế nào?

Đáp: Các sự việc đứng ngoài bắt đầu làm thì khó, sau khi hoàn thành thì không nhờ vào tùy thuận. Vả lại, sự việc bên ngoài là như Giàn-cà cùng với bề tôi Hoài Nguyệt, trong mười hai năm học phương pháp chế tạo vàng, ban đầu làm được một hạt như hạt lúa mạch, thầy trò liền hét lên: Bây giờ chúng ta có thể làm ra núi vàng. Ôi sự việc bên trong thì như sư Du-già tu Thần cảnh thông, bắt đầu học rời khỏi mặt đất bằng một nửa ngón tay, tiếp theo lại rời khỏi mặt đất bằng một ngón tay, như vậy dần dần một nửa gang tay-một gang tay, một nửa cánh tay-một cánh tay..., cho đến nửa Tầm- một Tầm sau đó vị ấy thành tựu thì tùy tâm muốn đến cõi trời Sắc cứu cánh cứ tự tại có thể đến được. Vượt qua Định cũng như vậy, ban đầu thì khó cho nên nhờ vào Chi..., về sau thì dễ cho nên giả sử không thiết lập Chi mà cũng có thể vượt qua để tiến vào. Vì vậy, Tĩnh lự thứ nhất-thứ ba đều thiết lập năm Chi, Tĩnh lự thứ hai-thứ tư đều thiết lập bốn Chi.

Như trong kinh nói: “Tỳ kheo nên biết! Có bốn Thiên đạo có năng lực làm cho hữu tình chưa thanh tịnh thì thanh tịnh, thanh tịnh thì chuyển thành sáng suốt”.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn đưa ra nói như vậy?

Đáp: Muốn làm cho hữu tình đối với đạo lý sinh lên cõi trời, sinh tâm hết sức chán ngán sợ hãi-vui mừng cầu mong an trú trong hắng nghĩa của đạo lý cõi trời. Sinh lên cõi trời, đó là cõi trời Tam Thập Tam, ở đó có bốn khu vườn trong nghiêm rất tuyệt diệu:

1. Tên là Chúng xa.
2. Tên là Thô ác.
3. Tên là Hoan hỷ.
4. Tên là Tạt lâm.

Bốn khu vườn như vậy có bốn con đường, các phụ nữ cõi trời dạo chơi tập trung trong đó, những người đẹp tuyệt vời dạo chơi dừng chân

ở trong đó, các loại âm nhạc luôn luôn trỗi lên, bày biện các loại đồ ăn thức uống ngon lành, cây báu mọc xếp thành hàng cành nhánh che mát cho nhau, hoa lá tươi tốt mùi hương ngào ngạt, quả hạt nhiều loại sáng bóng ngọt thơm, tùy theo ý muốn biến thành chim cất tiếng hát hòa nhã dịu êm, chư Thiên ở trong đó thụ hưởng các dục lạc, dạo chơi vui đùa đã xong cùng nhau đi vào khu vườn. Ở trong vườn Tỳ-nại-da chánh pháp này, Trạch diệt Niết-bàn như khu vườn của cõi trung hữu đời ấy, bốn Tịch lự vi diệu như bốn con đường, phụ nữ thông minh dạo chơi tập trung trong đó, người đẹp giải thoát vô ngại dạo chơi dừng lại, âm nhạc ba Tạng luôn luôn trỗi lên, bày biện đồ ăn thức uống ngon lành của Tịnh-Hỷ, cây báu của Bồ-đề phân pháp mọc xếp thành hàng, cành nhánh của vô lượng-giải thoát-thắng xứ-biến xứ che mát cho nhau, hoa lá của Giác chi-Đạo chi tươi tốt, mùi hương của các Giới thanh tịnh vi diệu tỏa hương ngào ngạt, các quả Sa-môn sáng bóng ngọt thơm, Học và Vô học tùy theo ý muốn biến thành chim cất tiếng hát hòa nhã dịu êm, Thánh chúng ở trong đó thụ hưởng niềm vui của Định thù thắng, dạo chơi vui đùa đã xong cùng nhau tiến vào Niết-bàn.

Thế nào gọi là bốn loại Thiên đạo? Nghĩa là lìa pháp ác bất thiện của cõi Dục, có Tâm-có Tứ, lìa sinh Hỷ lạc, trú đầy đủ trong Tịch lự thứ nhất, đó gọi là Thiên đạo thứ nhất, lìa pháp ác bất thiện của cõi Dục.

Hỏi: Lúc đạt được Tịch lự thứ nhất thì lìa toàn bộ tất cả các pháp của cõi Dục, tại sao chỉ nói lìa pháp ác bất thiện của cõi Dục?

Đáp: Bởi vì pháp ác bất thiện là đứng đầu lìa toàn bộ cõi Dục, cho nên đưa ra cách nói này.

Lại nữa, pháp ác bất thiện làm hại Thánh đạo, tự tánh cần phải đoạn chấp. Nếu nó đoạn rồi thì không còn thành tựu, cho nên chỉ nói đến nó. Các pháp thiện hữu lậu-vô phú vô ký, không làm trái Thánh đạo, không phải là tự tánh đoạn. Nếu nó đoạn rồi thì vẫn còn có thể thành tựu, cho nên không nói. Nhưng pháp thiện hữu lậu-vô phú vô ký, lúc đoạn ác bất thiện cũng tùy theo mà nói là đoạn, bởi vì cùng một đối trị, bởi vì đoạn cùng một lúc. Như ngọn đèn trái với bóng tối chứ không phải là bắc đèn là đồ đựng dầu, mà phá tan bóng tối thì cũng có thể đốt cháy bắc đèn-hết dầu và làm nóng đồ đựng.

Lại nữa, pháp ác bất thiện khó đoạn-khó phá-khó có thể vượt qua, cho nên chỉ nói đến nó. Lại nữa, pháp ác bất thiện có nhiều những sai lầm tai họa, hừng hực vững chắc, cho nên chỉ nói đến nó. Lại nữa, pháp ác bất thiện vào lúc lìa nhiễm cõi Dục, là chướng ngại hết sức, ràng buộc khó dễ, như cai ngục dữ tợn, cho nên chỉ nói đến nó. Lại nữa, các

sư Du-già chuyên môn vì đoạn pháp ác bất thiện kia mà tu Tĩnh lự thứ nhất, cho nên chỉ nói đến nó. Lại nữa, các sư Du-già chán ghét pháp ác bất thiện ấy cho nên xả bỏ toàn bộ cõi Dục, vì vậy chỉ nói là lìa pháp ác bất thiện. Lại nữa, pháp ác bất thiện ở địa trên đã không có, cho nên chỉ nói là lìa.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên chỉ nói là lìa pháp ác bất thiện của cõi Dục.

Hỏi: Đúng này cái gì là Dục, cái gì là pháp ác bất thiện?

Đáp: Sự vốn có dục là Dục, phiền não-dục là pháp ác bất thiện. Lại nữa, Dục nghĩa là năm Dục, pháp ác bất thiện đó là năm Cái. Lại nữa, Dục nghĩa là Dục ái, pháp ác bất thiện đó là các phiền não khác của cõi Dục. Lại nữa, Dục nghĩa là dục tâm, pháp ác bất thiện đó là Sân-hại tâm. Lại nữa, Dục nghĩa là cõi Dục, pháp ác bất thiện đó là cõi Sân-Hại. Lại nữa, Dục nghĩa là Dục tưởng, pháp ác bất thiện đó là tưởng Sân-Hại. Lại nữa, Dục nghĩa là Dục ái, pháp ác bất thiện đó chính là Dục ái. Đây chính là nói đến lìa các loại Dục ái. Có Tầm-có Tứ, pháp vốn có cùng với Tầm gọi là có Tầm, pháp vốn có cùng với Tứ gọi là có Tứ.

Hỏi: Lìa sinh thì trong địa trên lìa thanh tịnh thắng diệu vượt qua Tĩnh lự thứ nhất, tại sao chỉ nói pháp này gọi là lìa sinh?

Đáp: Trong này đưa ra điều để hiển bày ra, cho nên đưa ra cách nói như vậy. Đức Thế Tôn có nơi đưa ra sau để hiển bày trước, như nói: “Thế nào là không phải tự hại và tha hại? Đó là ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ”.

Như đưa ra đầu-sau, mới tiến vào-đã vượt qua, gia hạnh-cứu cánh, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, ban đầu được lìa sinh-phát ra tướng hiếm lạ, sau thì không như vậy, cho nên đưa ra cách nói ấy. Lại nữa, bởi vì Tĩnh lự thứ nhất chỉ thuận theo là lìa sinh, các Tĩnh lự sau cũng thuận theo Định sinh; thuận theo lìa sinh cho nên gọi là lìa sinh, như nước sinh thì nói đến tên gọi nước sinh, đất liền sinh thì nói đến tên gọi đất liền sinh. Lại nữa, Tĩnh lự thứ nhất lìa hai Định vô lậu làm quyến thuộc, cho nên một mình gọi là lìa sinh, đó là Vị chí định và Tĩnh lự trung gian. Lại nữa, Tĩnh lự thứ nhất lìa là sau lìa môn, sở y-gia hạnh-nhân bốn-đạo lộ, và nơi dừng chân, một mình được tên gọi là lìa. Lại nữa, Tĩnh lự thứ nhất lìa dẫn dắt-duy trì-nuôi dưỡng, sau lìa một mình được tên gọi là lìa. Lại nữa, Tĩnh lự thứ nhất lìa là sau các lìa sinh duyên tập khởi, một mình được tên gọi là lìa. Lại nữa, các lìa của địa trên quyết định dựa vào Tĩnh lự

thứ nhất lìa được và dấy khởi trước đây, cho nên Tĩnh lự thứ nhất một mình được tên gọi là lìa.

Lại nữa, các Sư Du-già lìa nhiễm của cõi Dục, lúc dấy khởi Tĩnh lự thứ nhất hiện ở trước mắt, hoan hỷ phấn chấn hơn hẳn thời gian sau, cho nên một mình gọi là lìa, như người đói khát lúc đầu được ăn uống, tuy là món dở mà sinh lòng hoan hỷ, hơn hẳn lúc sau có được ăn uống ngon lành.

Lại nữa, ba loại hành giả dựa vào Tĩnh lự thứ nhất được tiến vào lìa sinh, đạt được quả luyện căn và hết các lậu, cho nên một mình gọi là lìa. Ba loại hành giả đó là người có đủ phiền não, người lìa dục từng phần, người lìa dục toàn phần.

Lại nữa, vì khiến cho người nghi có được quyết định, cho nên một mình thiết lập tên gọi là lìa. Như trong cõi Dục có Tầm-có Tứ, có các Thức thân cao thấp làm quyến thuộc, trong Tĩnh lự thứ nhất cũng có điều này, hoặc có người sinh nghi như cõi Dục không có lìa, Tĩnh lự thứ nhất cũng như vậy. Vì quyết định mối nghi này cho nên nói Tĩnh lự thứ nhất có lìa chứ không phải là cõi Dục.

Lại nữa, cõi Dục không có lìa đối trị gần của nó, cho nên Tĩnh lự thứ nhất một mình thiết lập tên gọi là lìa. Lại nữa, chỉ riêng Tĩnh lự thứ nhất có năng lực lìa tất cả phiền não của ba cõi, cho nên một mình thiết lập tên gọi là lìa. Lại nữa, chỉ riêng Tĩnh lự thứ nhất có đạo của bốn quả Sa-môn, đạo của chín quả Biện tri, đầy đủ ba mươi bảy Bồ-đề phần pháp, cho nên một mình gọi là lìa.

Lại nữa, chỉ riêng Tĩnh lự thứ nhất có năng lực lìa hết thảy khổ căn-ưu căn-Nam căn-Nữ căn, Vô tà-Vô quý-Tham ái-Dâm ái, năm Cái-năm Dục-Xan tham-Tật nhuế-năm Uẩn-mười hai xứ-mười tám Giới..., cho nên một mình gọi là lìa.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên chỉ riêng Tĩnh lự thứ nhất một mình gọi là lìa sinh.

Hỷ-Lạc, Hỷ nghĩa là Hỷ căn, Lạc nghĩa là Lạc thuộc Khinh an. Lại nữa, Hỷ thuộc về Thọ uẩn, lạc thuộc về Hành uẩn. Trú đầy đủ trong Tĩnh lự thứ nhất, nghĩa là có được thành tựu năm Uẩn thiện của Tĩnh lự thứ nhất, có được thành tựu gọi là trú đầy đủ.

Lại nữa, Tầm-Tứ diệt, Nội đẳng tịnh, âm một nẻo về, không có Tầm-không có Tứ, Định sinh Hỷ-Lạc, trú đầy đủ trong Tĩnh lự thứ hai, đó gọi là Thiên đạo thứ hai Tầm-tứ diệt.

Hỏi: Lúc đạt được Tĩnh lự thứ hai, diệt toàn bộ tất cả các pháp của Tĩnh lự thứ nhất, tại sao chỉ nói là Tầm-Tứ diệt?

Đáp: Bởi vì Tâm-Tứ là đứng đầu, diệt toàn bộ Tĩnh lự thứ nhất, cho nên đưa ra cách nói này.

Lại nữa, Tâm-Tứ khó đoạn-khó phá-khó có thể vượt qua, cho nên chỉ nói đến nó. Lại nữa, Tâm-Tứ có nhiều những sai lầm tai họa, hừng hực vững chắc, cho nên chỉ nói đến nó. Lại nữa, Tâm-Tứ vào lúc là nhiệm của Tĩnh lự thứ nhất, là chương ngại cao nhất, ràng buộc làm khó dễ, như cai ngục hung bạo, cho nên chỉ nói đến nó. Lại nữa, các sư Du-già chuyên tâm vì đoạn Tâm-Tứ, mà tu Tĩnh lự thứ hai, cho nên chỉ nói đến nó. Lại nữa, các sư Du-già chán ghét Tâm-Tứ mà rời bỏ toàn bộ Tĩnh lự thứ nhất, cho nên chỉ nói đến nó. Lại nữa, Tâm-tứ ở địa trên đã không có, cho nên chỉ nói đến nó.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên chỉ nói là Tâm-Tứ diệt.

Nội đẳng tịnh, Nội nghĩa là tâm, Đẳng tịnh nghĩa là Tín. Do Tín bình đẳng khiến cho nội tâm thanh tịnh, vì vậy gọi là Nội đẳng tịnh.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Tâm-Tứ nhậy nhót không ngừng làm hỗn loạn tâm Định, Tín có năng lực loại trừ Tâm-Tứ khiến cho tâm cùng tịnh; như sóng ngừng lặng thì nước sẽ lắng trong, vì vậy nói Tín gọi là Nội đẳng tịnh”. Lại đưa ra cách nói này: “Hỷ nhiệm bưng bưng trời dậy làm cho tâm Định rối loạn, Tín có năng lực loại trừ Hỷ nhiệm khiến tâm cùng tịnh, như lia bỏ bùn đục thì nước sẽ lắng trong, vì vậy nói Tín gọi là nội đẳng tịnh”.

Đại đức Pháp Cứu đưa ra cách nói như vậy: “Hành giả sắp tiến vào Tĩnh lự thứ hai, tâm đổ với cảnh Định sin Tín hướng đến Lạc trú, không rong ruổi phân tán trú lâu dài vào một cảnh, đạt được Định thứ hai thì có điều này, đây là do sức mạnh của Trí, cho nên nói Tín gọi là Nội đẳng tịnh”.

Tâm một nẻo về, nghĩa là do một môn chuyển chứ không giống như tâm của cõi Dục do sáu môn chuyển. Trong trường lão thứ nhất thì tâm do bốn môn chuyển, Tĩnh lự thứ hai thì tâm do một môn chuyển, cho nên gọi là một nẻo về, tức là nghĩa của tâm hành cùng một cảnh giới.

Không có Tâm-không có Tứ, nghĩa là Tâm-Tứ đã diệt.

Hỏi: Định sinh thì Tĩnh lự thứ nhất cũng có Định, tại sao chỉ nói Tĩnh lự thứ hai gọi là Định sinh?

Đáp: Tĩnh lự thứ hai thì Đẳng trì thanh tịnh thắng diệu tăng mạnh, vượt qua Tĩnh lự thứ nhất, vì vậy chỉ nói đến nó.

Lại nữa, Tĩnh lự thứ hai do Định mà dẫn phát-do Định đã nuôi

lớn, cho nên sau Tĩnh lự thứ nhất mới hiện ở trước mắt, gọi là Định sinh; không giống như Tĩnh lự thứ nhất, không phải là do Định mà dẫn phát, không phải là do Định đã nuôi lớn, sau tâm của cõi Dục mới hiện ở trước mắt, cho nên không gọi là Định sinh.

Lại nữa, tâm của Tĩnh lự thứ nhất có định-bất định, có nội môn chuyển-có ngoại môn chuyển, có duyên với nội sự-có duyên với ngoại sự; tâm của Tĩnh lự thứ hai thì phần nhiều thuộc về Định, phần nhiều chỉ do nội môn chuyển, chỉ duyên với nội sự, cho nên gọi là Định sinh.

Lại nữa, Tĩnh lự thứ hai diệt gốc của ngôn ngữ. Gốc của ngôn ngữ, đó là tâm và Tứ. Như trong kinh nói: “Cần phải Tâm-Tứ rồi mới có thể phát ngôn ngữ, chứ không phải là không Tâm-Tứ”. Tĩnh lự thứ hai Tâm-Tứ rồi diệt không có gốc của ngôn ngữ, cho nên nói là Định sinh.

Lại nữa, Tĩnh lự thứ hai gọi là Thánh lặng lẽ, cho nên gọi là Định sinh. Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Mục Liên: Các ông đừng coi thường Tĩnh lự thứ hai, bởi vì đây là pháp lặng lẽ của Thánh giả”.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên Định sinh chỉ ở Tĩnh lự thứ hai.

Hỷ-lạc, Hỷ nghĩa là Hỷ căn, Lạc nghĩa là Lạc thuộc Khinh an. Lại nữa, Hỷ là thuộc về Thọ uẩn, Lạc là thuộc về Hành uẩn. Trú đầy đủ trong Tĩnh lự thứ hai, là có được thành tựu năm Uẩn thiện của Tĩnh lự thứ hai, có được thành tựu gọi là trú đầy đủ.

